CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 74 /QĐ-CĐĐHCN *Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh Năm học 2021 - 2022

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-CĐCT ngày 07/6/2017 của Ban Thường vụ Công Đoàn Công Thương Việt Nam về việc công nhận Ban Chấp hành Công đoàn Cơ sở Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM;

Căn cứ vào Qui chế Tài chính của Công đoàn Cơ sở Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM;

Xét đề nghị của Văn phòng Công đoàn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 25 tổ công đoàn đạt danh hiệu Tổ công đoàn vững mạnh và 232 đoàn viên đạt danh hiệu công đoàn viên xuất sắc năm học 2021 - 2022 (phụ lục kèm theo quyết định)

Điều 2. Tiền thưởng thưởng cho Tổ công đoàn xuất sắc là 417,000 đồng/tổ.

Tiền thưởng công đoàn viên xuất sắc là 208.500 đồng/người.

Tổng số tiền thưởng thưởng là: 58,797,000 (Năm mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn đồng)

Điều 3. Văn phòng Công đoàn, Ủy viên phụ trách tài chính và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VPCĐ.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG BCH CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP

Phạm Thanh Tùng

Danh Sách Cá Nhân Công Đoàn Viên Xuất Sắc

(kèm theo quyết định số: 74 QĐ/CĐĐHCN ngày 22 tháng 11 năm 2022)

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
1	Phan Hồng Hải	Ban Giám hiệu	X	208,500	
2	Lê Văn Tán	Ban Giám hiệu	X	208,500	
3	Đàm Sao Mai	Ban Giám hiệu	X	208,500	
4	Nguyễn Xuân Hồng	Ban Giám hiệu	X	208,500	
5	Ngô Quốc Nhàn	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
6	Nguyễn Kim Hồng Phúc	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
7	Nguyễn Thị Phượng	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
8	Ngô Ngọc Hưng	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
9	Phạm Thị Oanh	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
10	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
11	Lý Thanh Bình	Khoa Khoa học Cơ bản	X	208,500	
12	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
13	Lâm Thanh Danh	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
14	Lê Duy Tuấn	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
15	Vũ Quang Vinh	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
16	Nguyễn Hoàng Việt	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
17	Nguyễn Văn Biên	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
18	Nguyễn Thị Hà	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
19	Phạm Thị Nhẹ	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
20	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
21	Hoàng Văn Vinh	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
22	Hoàng Kim Phước	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
23	Nguyễn Đức Nam	Khoa Công nghệ Cơ khí	X	208,500	
24	Nguyễn Quân	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
25	Ngô Thanh Quyền	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
26	Võ Thị Mỹ Phượng	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
27	Bạch Thanh Quý	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
28	Nguyễn Trung Dũng	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
29	Hoàng Thị Hồng	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
30	Đặng Thanh Tâm	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
31	Phạm Công Duy	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
32	Dương Thanh Long	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
33	Trần Thanh Ngọc	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
34	Lưu Tuấn Kiệt	Khoa Công nghệ Điện	X	208,500	
35	Trần Thị Kim Phượng	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
36	Hồ Anh Cường	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
37	Đinh Thị Thu Hà	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
38	Hà Thanh Liêm	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
39	Phan Văn Nhựt	Khoa Công nghệ Động lực	X	208,500	
40	Phạm Thị Kim Hoàng	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
41	Lê Thị Thu Hương	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
42	Trương Năng Toàn	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
43	Trần Minh Chính	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
44	Mai Thăng Long	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
45	Nguyễn Ngọc Sơn	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
46	Nguyễn Tấn Lộc	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
47	Nguyễn Thanh Đăng	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
48	Đặng Quang Minh	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
49	Phạm Thị Phương Hồng	Khoa Công nghệ Điện tử	X	208,500	
50	Nguyễn Quang Đạo	Khoa Luật	X	208,500	
51	Đào Thị Nguyệt	Khoa Luật	X	208,500	
52	Lê Văn Thắng	Khoa Luật	X	208,500	
53	Nguyễn Thị Hải Vân	Khoa Luật	X	208,500	
54	Mai Thị Hồng Hà	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
55	Nguyễn Trung Dũng	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
56	Bùi Thị Hảo	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
57	Nguyễn Lâm Thanh Hoàng	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
58	Đỗ Thị Hiện	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
59	Lê Thanh Hòa	Khoa Lý luận Chính trị	X	208,500	
60	Phạm Nhất Chi Mai	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
61	Lê Ngọc Lễ	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
62	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
63	Trần Nguyễn Tú Uyên	Khoa Công nghệ May - Thời trang	X	208,500	
64	Phạm Nguyễn Trường Thi	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
65	Lê Thị Cẩm Tú	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
66	Đinh Thị Hoa	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
67	Đặng Thị Kim Phượng	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
68	Lê Văn Cần	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
69	Hoàng Thị Hải Đường	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
70	Đặng Hoàng Mai	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
71	Nguyễn Thị Diễm Thi	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
72	Vũ Thị Nhung	Khoa Ngoại ngữ	X	208,500	
73	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
74	Trần Đình Anh Tuấn	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
75	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
76	Lê Đình Nhật Hoài	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
77	Đỗ Xuân Hương	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	X	208,500	
78	Nguyễn Đức Lộc	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
79	Nguyễn Thu Phương	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
80	Đặng Minh Thu	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
81	Nguyễn Ngọc Thức	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
82	Lê Hoàng Việt Phương	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
83	Bùi Huy Khôi	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
84	Nguyễn Thành Long	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
85	Lưu Xuân Danh	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
86	Lê Nam Hải	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
87	Nguyễn Ngọc Long	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
88	Phùng Tiến Dũng	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
89	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Khoa Quản trị Kinh doanh	X	208,500	
90	Tô Kiều Trinh	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
91	Trần Thị Lê	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
92	Nguyễn Thị Hương	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
93	Nguyễn Công Hoan	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
94	Nguyễn Đức Cương	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
95	Bùi Thành Khoa	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
96	Trương Công Hậu	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
97	Nguyễn Thị Hương Ly	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
98	Võ Thị Thu Thủy	Khoa Thương mại Du lịch	X	208,500	
99	Vũ Cẩm Nhung	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
100	Nguyễn Kim Chi	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
101	Nguyễn Vỹ Bảo Yến	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
102	Nguyễn Thị Kiều Nga	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
103	Lê Thúy Ngân	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
104	Nguyễn Lê Hồng Vỹ	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
105	Phan Thi Như Hồng	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
106	Nông Ngọc Dụ	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
107	Đỗ Hà Vinh	Khoa Tài chính Ngân hàng	X	208,500	
108	Lăng Thị Minh Thảo	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
109	Nguyễn Băng Trinh	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
110	Nguyễn Tài Yên	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
111	Hà Thị Tâm	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
112	Huỳnh Huy Hạnh	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
113	Trần Duy Vũ Ngọc Lan	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
114	Vũ Phương Hạnh	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
115	Võ Thúy Hà	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
116	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
117	Nguyễn Mạnh Tuyển	Khoa Kế toán Kiểm toán	X	208,500	
118	Huỳnh Trung Hiếu	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
119	Lê Nhật Duy	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
120	Đặng Thị Phúc	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
121	Hồ Đắc Quán	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
122	Phạm Thị Thùy Trang	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
123	Nguyễn Ngọc Phượng	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
124	Ngô Hữu Dũng	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
125	Giảng Thanh Trọn	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
126	Nguyễn Hữu Tình	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
127	Bùi Công Danh	Khoa Công nghệ Thông tin	X	208,500	
128	Trần Việt Phương Đông	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	X	208,500	
129	Nguyễn Thị Phương Linh	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	X	208,500	
130	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	X	208,500	
131	Phạm Thị Hồng Phượng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
132	Trần Thị Thanh Nhã	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
133	Nguyễn Quốc Thắng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
134	Cao Xuân Thắng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
135	Đỗ Thị Long	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
136	Nguyễn Văn Cường	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
137	Nguyễn Hữu Trung	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
138	Đặng Thị Hồng Nhung	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
139	Nguyễn Văn Trọng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
140	Võ Thành Công	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
141	Cao Xuân Thắng	Khoa Công nghệ Hóa học	X	208,500	
142	Nguyễn Trung Nhân	Phòng Đào tạo	X	208,500	
143	Đỗ Minh Ngọc	Phòng Đào tạo	X	208,500	
144	Bùi Thị Hải Hiền	Phòng Đào tạo	X	208,500	
145	Trịnh Thị Hồng Phương	Phòng Đào tạo	X	208,500	
146	Trần Thị Huế Chi	Phòng Đào tạo	X	208,500	
147	Chu Đức Phúc	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
148	Lê Thị Hải Yến	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
149	Ngô Thị Dung	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
150	Lê Thị Thanh	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
151	Phùng Thị Hường	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
152	Đoàn Quyết Thuân	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
153	Dương Thị Lanh	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
154	Bùi Thị Thùy Hoanh	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
155	Bùi Thị Hòa	Phòng Dịch vụ	X	208,500	
156	Lý Xuân Hải	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
157	Huỳnh Thị Hậu	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
158	Phạm Quang Thắng	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
159	Lê Thị Diệu Hằng	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
160	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Phòng KT&BĐ Chất lượng	X	208,500	
161	Trần Thanh Hải	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	X	208,500	
162	Vũ Phạm Phú Tuân	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	X	208,500	
163	Đặng Vũ Khoa	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	X	208,500	
164	Lê Văn Hùng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
165	Lê Minh Dũng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
166	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
167	Tạ Văn Bảy	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
168	Võ Thanh Sơn	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
169	Phạm Thanh Tùng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
170	Trần Văn Mừng	Phòng Quản lý Ký túc xá	X	208,500	
171	Đoàn Thị Hồng Gấm	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&C	X	208,500	
172	Bạch Thị Lê	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&C	X	208,500	
173	Nguyễn Thị Lụa	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT&C	X	208,500	
174	Nguyễn Qúy Tuấn	Phòng Quản trị	X	208,500	
175	Nguyễn Huy Cường	Phòng Quản trị	X	208,500	
176	Nguyễn Thị Mai Phương	Phòng Quản trị	X	208,500	
177	Lê Ngọc Sơn	Viện Đào tạo quốc tế & Sau đại học	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
178	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Viện Đào tạo quốc tế & Sau đại học	X	208,500	
179	Trần Thị Hoàng Hà	Viện Đào tạo quốc tế & Sau đại học	X	208,500	
180	Huỳnh Nguyễn Tường An	Viện Đào tạo quốc tế & Sau đại học	X	208,500	
181	Nguyễn Thị Bích Thủy	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
182	Trần Thị Tình	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
183	Đoàn Công Thệ	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
184	Dương Thị Hiền	Phòng Công tác Sinh viên	X	208,500	
185	Phạm Thị Quế Minh	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
186	Nguyễn Thị Hiền	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
187	Đặng Thị Ngân	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
188	Phạm Thị Hải	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
189	Đào Thị Hải	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
190	Phạm Thị Thùy Trang	Phòng Tài chính Kế toán	X	208,500	
191	Tô Văn Sơn	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
192	Đào Thị Hồng Hạnh	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
193	Phan Hoài Hận	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
194	Lê Thị Thanh Hoa	Phòng Tổ chức Hành chính	X	208,500	
195	Phạm Thị Dung	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
196	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
197	Đỗ Thị Lan Phương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
198	Nguyễn Quang Thịnh	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
199	Phan Minh Trí	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
200	Mai Thị Tâm	Trung tâm Thông tin - Thư viện	X	208,500	
201	Nguyễn Nhân Sâm	Trung tâm (R&Dtech)	X	208,500	
202	Nguyễn Minh Cường	Trung tâm (R&Dtech)	X	208,500	
203	Lê Hùng Anh	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
204	Lê Hồng Thía	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
205	Vũ Đình Khang	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
206	Ngô Xuân Huy	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
207	Trần Thị Hiền	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
208	Huỳnh Công Lực	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
209	Bùi Thị Ngọc Phương	Viện Khoa học Công nghệ và QLMT	X	208,500	
210	Nguyễn Thị Sen	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
211	Phạm Tấn Việt	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
212	Văn Hồng Thiện	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
213	Đinh Văn Trình	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
214	Nguyễn Hà Diệu Trang	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
215	Đỗ Viết Phương	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
216	Nguyễn Ngọc Tuấn	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
217	Đào Quốc Hưng	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
218	Trần Thị Mai Anh	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
219	Phạm Thị Quyên	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩ	X	208,500	
220	Lưu Quang Đức	TT. Quản trị hệ thống	X	208,500	
221	Võ Bảo Trung	TT. Quản trị hệ thống	X	208,500	
222	Nguyễn Nam Hải	Khối Đoàn thể	X	208,500	

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	GK-ĐVXS	Tiền Thưởng	Ký Nhận
223	Lê Văn Hoàng	Khối Đoàn thể	X	208,500	
224	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Khối Đoàn thể	X	208,500	
225	Lâm Huỳnh Đình Nguyên	VPCĐ	X	208,500	
226	Nguyễn Thị Hà	CSTH	X	208,500	
227	Lê Thị Ca Sơn	CSTH	X	208,500	
228	Trần Cao Việt	PHQN	X	208,500	
229	Dương Thị Ánh Tiên	PHQN	X	208,500	
230	Võ Đức Anh	PHQN	X	208,500	
231	Lê Trọng Hiền	PHQN	X	208,500	
232	Lê Duy Thọ	PHQN	X	208,500	
Tổng				48,372,000	

(Bốn mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng)

Danh Sách Tập Thể Tổ Công Đoàn Vững Mạnh

(Kèm theo quyết định số: 74 -QĐ/CĐĐHCN ngày 22 tháng 11 năm 2022)

TT	Tổ Công Đoàn	Tiền Thưởng	TTCĐ Ký Nhận
1	Công đoàn Khoa Thương mại Du lịch	417,000	
2	Khoa Ngoại Ngữ	417,000	
3	Khoa KH Cơ bản	417,000	
4	Khoa Luật	417,000	
5	Công đoàn Phòng Quản lý Ký túc xá	417,000	
6	Công đoàn Phòng Đào Tạo	417,000	
7	Công đoàn Phòng Tổ chức - Hành chính	417,000	
8	Công đoàn Phòng Tài chính - Kế toán	417,000	
9	Công đoàn Phòng Dịch Vụ	417,000	
10	Công đoàn Phòng Công tác sinh viên	417,000	
11	Công đoàn Khoa Kế toán và Kiểm toán	417,000	
12	Công đoàn Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng	417,000	
13	Công đoàn Khoa Công nghệ Thông tin	417,000	
14	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	417,000	
15	Khoa Quản trị Kinh doanh	417,000	
16	Khoa Tài chính - Ngân hàng	417,000	
17	Viện Quản lý sau đại học & Đào tạo quốc tế	417,000	
18	Khoa CN Hóa học	417,000	
19	TT Thông tin - Thư viện	417,000	
20	Viện KHCN&QLMT	417,000	
21	TT Quản trị hệ thống	417,000	
22	ICC & VPĐTN	417,000	
23	Khoa KHCB&KTCS (Phân hiệu QN)	417,000	
24	Phòng Giáo Vụ và CTSV (QN)	417,000	
25	Phòng Tổng hợp (Phân hiệu QN)	417,000	
Tổng		10,425,000	

(Mười triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng)